

# NGƯỜI HOA TRONG QUAN HỆ TRUNG QUỐC - ASEAN

TRẦN KHÁNH\*

Một trong những yếu tố quan trọng, ảnh hưởng lớn đến quan hệ Đông Nam Á - Trung Quốc nói chung, ASEAN - Trung Quốc nói riêng là sự hiện diện đông đảo, mối quan hệ đa chiều và khả năng kinh tế to lớn của cộng đồng người Hoa. Đây là một đặc điểm mang tính đặc thù, khác với mỗi bang giao của ASEAN với các đối tác chính khác. Trong lịch sử và hiện tại, người Hoa không những là sứ giả, chiếc cầu nối mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác láng giềng giữa Đông Nam Á và Trung Quốc, mà còn không ít lần trở thành "đối tượng" gây "khó xử" trong quan hệ của hai thực thể này. Trên đây là những vấn đề rất lớn, đòi hỏi phải nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống. Bài viết này chủ yếu đề cập một cách khái quát vai trò cộng đồng của người Hoa trong quan hệ chính trị - ngoại giao và kinh tế ASEAN - Trung Quốc kể từ khi ASEAN được thành lập, đặc biệt là trong thời gian gần đây, khi bang giao giữa hai thực

thể này nâng lên tầm đối tác chiến lược và hợp tác kinh tế toàn diện.

## 1. Khái quát về cộng đồng người Hoa Đông Nam Á

Hiện nay cộng đồng người Hoa trên thế giới có khoảng 40 triệu người, trong số đó khoảng 70% (30 triệu) sinh sống tại Đông Nam Á (chiếm khoảng 6% dân số của ASEAN)<sup>(1)</sup>. Do gần gũi về địa lý, lối sống văn hoá, nhân chủng, cấu trúc kinh tế và xã hội truyền thống, nên từ lâu (ít nhất là từ thế kỷ XIII-XIV) đã xuất hiện các quần thể dân cư người Trung Hoa di trú tại Đông Nam Á. Họ nhân chính cho sự hình thành cộng đồng này là tầng lớp nhà buôn, tiểu thương và thợ thủ công. Hoạt động kinh doanh của họ không chỉ đóng vai trò tích lũy vốn, mà còn kích thích dòng nhập cư mới. Do thiết lập được hệ thống các làng, phố của mình tại các trung tâm buôn bán, hải cảng chính của các nước trong khu vực,

\* TSKH Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

nên người Hoa trong những thế kỷ XV-XVI đã thay thế người Ả-rập và Ấn Độ, chiếm vị trí chủ đạo trong nền ngoại thương Đông Nam Á. Cùng với việc khởi sắc buôn bán trên biển của người Nhật Bản, Java, hoạt động thương mại nhộn nhịp của người Hoa ở thời kỳ đó đã tạo nên "Hệ thống mậu dịch châu Á" hay "Kỷ nguyên vàng mậu dịch châu Á". Đây là thời kỳ "hoàng kim" buôn bán trên biển của người Trung Hoa<sup>(2)</sup>.

Từ khi phương Tây xâm nhập và cai trị khu vực này (thế kỷ XVI-nửa đầu thế kỷ XX), người Hoa trở thành lực lượng chính, đảm nhiệm chức năng môi giới, trao đổi hàng hoá giữa phương Tây với thị trường nội địa Đông Nam Á. Cùng với tư bản phương Tây, tầng lớp nhà buôn người Hoa đóng góp không nhỏ cho sự hình thành "Con đường buôn bán tơ lụa bằng đường biển" nối liền châu Á với Âu-Mỹ, làm phong phú và đa dạng thêm nguồn cung cấp vốn, thị trường lao động và phát triển CNTB dạng thuộc địa ở khu vực này, dưới tác động thực tế của chế độ thuộc địa, tầng lớp nhà buôn và tiểu thương người Hoa dần dần chiếm lĩnh nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế trọng yếu của nhiều nước Đông Nam Á như buôn bán và xay sát lúa gạo, kinh doanh tạp hoá và tín dụng nông nghiệp. Điều này cho phép họ tích lũy nhanh vốn để mở rộng đầu tư sang các lĩnh vực kinh doanh khác đòi hỏi nhiều vốn và kiến thức cao hơn như tài chính và công nghiệp chế biến-chế tạo. Ngoài ra, người Hoa còn là lực lượng quan trọng của phong trào chống thuộc địa và đấu tranh giải phóng dân tộc của Đông Nam Á; và còn là hạt nhân chính của phong trào

công nhân và cộng sản của nhiều nước trong khu vực này<sup>(3)</sup>.

Khoảng 10-15 năm sau Chiến tranh thế giới thứ II, hầu hết các nước Đông Nam Á mới giành được độc lập, đồng loạt thi hành chính sách bản địa hoá tư bản nước ngoài bằng biện pháp hạn chế hay phân biệt đối xử, trong đó có tư bản Hoa kiều. Do hậu quả xấu mang lại (như kinh tế bị trì trệ, mâu thuẫn và xung đột sắc tộc, các nhóm cộng đồng xã hội tăng lên) làm cho chính phủ các nước này từ nửa sau những năm 60 của thế kỷ XX điều chỉnh chính sách khuyến khích đầu tư tư nhân trong và ngoài nước (trong đó có doanh nghiệp người Hoa và Hoa kiều). Sự chuyển hướng này tạo ra bước phát triển mới ở các nước ASEAN, làm tăng nhanh nguồn vốn nội địa, thúc đẩy hợp tác đa dân tộc, đa sở hữu giữa tư bản tư nhân với nhà nước, giữa các nước trong khu vực với các công ty xuyên quốc gia Âu-Mỹ và Nhật Bản v.v. Đối với tư bản Hoa, sự thay đổi chính sách trên làm đa dạng hoá lĩnh vực đầu tư, tạo đà cho sự ra đời các tổ hợp, tập đoàn công ty xuyên quốc gia của người Hoa Đông Nam Á trong những năm 80-90 thế kỷ XX. Các tập đoàn công ty lớn này như tập đoàn dòng họ Lâm ở Indônêxia, họ Quách ở Malaixia, họ Trần ở Thái Lan v.v. đang chi phối nhiều ngành kinh tế then chốt của nhiều nước ASEAN, nhất là trong lĩnh vực tài chính<sup>(4)</sup>. Sự ra đời của các công ty này là một nhân tố tích cực, thúc đẩy nhanh quá trình liên kết và tập trung hoá tư bản từng lĩnh vực, ngành, nước, khu vực và quốc tế, tạo thuận lợi cho chuyển giao công nghệ, đào tạo các nhà quản lý và công nhân lành nghề cho công cuộc công nghiệp hoá và

hiện đại hoá nền kinh tế các nước ASEAN<sup>(6)</sup>.

Cùng với xu hướng gia tăng của toàn cầu hoá và khu vực, trong đó có liên kết kinh tế Đông Á- Đông Nam Á, sự tác động qua lại của sự bùng nổ cơ hội đầu tư tại Trung Quốc trong thời gian gần đây và kinh nghiệm làm kinh doanh của tư bản Hồng Kông, Đài Loan và của người Hoa đã tạo nên mạng lưới hay hệ thống kinh doanh mạng của người Hoa trên quy mô toàn cầu, trước hết là ở châu Á<sup>(6)</sup>. Những biến đổi trên không những tác động đến bản sắc của người Hoa, mà còn ảnh hưởng lớn đến mối bang giao ASEAN-Trung Quốc.

## 2. "Nhân tố Hoa" trong bang giao ASEAN-Trung Quốc dưới thời Chiến tranh lạnh.

Chiến tranh lạnh với tư cách là một cuộc tranh đua, đối đầu ý thức hệ chính trị và quân sự, đứng đầu bởi hai siêu cường Mỹ và Liên Xô trước đây đã chi phối cục diện chính trị, phân chia ảnh hưởng và quyền lực trên thế giới. Khu vực Đông Nam Á, không chỉ là điểm nóng của cuộc đối đầu trên, mà còn là nơi tập trung mâu thuẫn cao độ của trục tam giác chiến lược Mỹ - Trung - Xô. Chính vì vậy cộng đồng người Hoa trở nên nhạy cảm trong chính sách đối nội cũng như đối ngoại của các quốc gia trong vùng.

Trong những năm 50, đầu những năm 60 thế kỷ XX, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á mới giành được độc lập đồng loạt thi hành chính sách bản địa hoá ngoại kiều (lúc đó chủ yếu là Hoa kiều) bằng biện pháp phân biệt đối xử, hạn chế hay

cấm họ kinh doanh nhiều ngành kinh tế vốn là sở trường của họ như buôn bán lúa gạo, xuất nhập khẩu hàng tạp phẩm, ngân hàng-tài chính v.v.. Thậm chí họ còn không được phép mở trường Hoa và lập hội đoàn truyền thống. Để tiếp tục kinh doanh, hầu hết Hoa kiều Đông Nam Á lúc đó đã tự nguyện nhập quốc tịch nước sở tại, trở thành người Hoa<sup>(7)</sup>. Nhận thức được xu hướng liên kết tất yếu này cùng với nhu cầu cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (gọi tắt là Trung Quốc) lúc đó không chống lại chính sách một quốc tịch và sự tự nguyện lựa chọn quyền công dân của Hoa kiều. Còn chính quyền Đài Loan thân Mỹ với mục đích tranh giành ảnh hưởng với Bắc Kinh, lôi kéo người Hoa, Hoa kiều về phía mình đã chỉ trích mạnh mẽ chính sách phân biệt đối xử trong kinh doanh và cưỡng bức nhập quốc tịch của nhiều nước Đông Nam Á; Thậm chí họ còn kêu gọi người Hoa, Hoa kiều trở về tổ quốc và đe dọa cắt quan hệ ngoại giao với một số nước có quan hệ chính thức với mình. Trên thực tế, những căng thẳng hay xích mích liên quan đến cộng đồng người Hoa giữa Đài Loan và một số chính phủ trong khu vực (chủ yếu với chính quyền ở Nam Việt Nam, Philippin và Thái Lan) chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, sau đó bị lãng quên và hầu như không ảnh hưởng đến quan hệ đồng minh chống Cộng sản của họ. Vì vậy, vấn đề người Hoa, Hoa kiều trong giai đoạn đó hầu như chưa gây ra những điều khó xử lớn trong quan hệ giữa các nước Đông Nam Á với Trung Quốc lục địa và Đài Loan nói chung<sup>(8)</sup>.

Từ những năm 60, chính xác hơn là trong thời kỳ cao trào của "Cách mạng văn hoá" (1966-1969), Trung Quốc thực hiện "nền ngoại giao cách mạng", ủng hộ phong trào du kích có vũ trang, sử dụng một số phần tử quá khích người Hoa để xuất khẩu "cách mạng vô sản". Kết quả là không chỉ làm gia tăng sự thù địch từ phía các nước Đông Nam Á đối với Trung Quốc, mà còn làm mất ổn định trong cộng đồng người Hoa. Đây là một trong những nguyên nhân chính kích thích sự ra đời của tổ chức ASEAN. Không phải ngẫu nhiên ngay từ khi thành lập, tư tưởng chống Trung Quốc của ASEAN đã trở thành một trong những định hướng chính trị chủ yếu của tổ chức này. Chính điều này đã tạo ra phản ứng gay gắt từ phía Trung Quốc, và cho rằng ASEAN là một liên minh chống cộng, một tổ chức trá hình của SEATO, công cụ mới của chủ nghĩa đế quốc, lập ra để chống Trung Quốc, cách mạng và nhân dân<sup>(9)</sup>.

Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi lớn (như giải trừ quân bị, hạn chế chạy đua vũ khí hạt nhân giữa Liên Xô và Mỹ; Mỹ và Trung Quốc thay đổi sách lược, bắt tay với nhau để chống "đế quốc xã hội Liên Xô"; quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản bắt đầu bình thường hoá; Mỹ sa lầy ở Đông Dương và đang rút về nước v.v.) tác động mạnh đến quan hệ ASEAN và Trung Quốc. Tuy vẫn đề phòng với "nhân tố Trung Hoa", nhưng hầu hết các quốc gia ASEAN chủ trương bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, cho phép họ mở văn phòng đại diện thương mại tại nước mình, đồng thời nới lỏng các hạn chế kinh doanh đối với người Hoa. Còn phía

Trung Quốc, từ thời gian này bắt đầu nhìn nhận ASEAN không phải đối địch như khi mới thành lập, chủ trương hạn chế hay tránh né chỉ trích các chính sách các nước thành viên, hưởng ứng tích cực nhiều sáng kiến hợp tác khu vực của ASEAN, trong đó có Tuyên bố ZOPFAN 1971, Hiệp ước TAC 1976 v.v., đồng thời từng bước cắt bỏ sự hậu thuẫn đối với các nhóm du kích quân đang hoạt động ở nhiều nước Đông Nam Á. Đối với người Hoa, Trung Quốc đại lục bắt đầu tiến hành sửa sai những sai lầm do "Cách mạng văn hoá" gây ra, tái lập các công tác Hoa vận v.v.

Cần nhấn mạnh rằng, sự thay đổi mang tính bước ngoặt trong lịch sử ở 3 nước Đông Dương năm 1975 và khủng hoảng khu vực liên quan đến "vấn đề Campuchia" và "dân tỵ nạn" ở cuối thập niên 70 thế kỷ XX làm cho quan hệ ASEAN-Trung Quốc trở nên gần gũi. Nếu như đầu những năm 70, chưa có một thành viên nào của ASEAN lúc đó thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Trung Quốc thì đến năm 1974 có Malaixia, và đến năm 1975 có thêm hai nước trước đây là đồng minh thân cận của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam là Thái Lan và Philippin. Mặc dầu Indônexia và Xingapo không vội vã bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc như các nước trên đã làm, nhưng quan hệ chính trị và kinh tế giữa họ với Trung Quốc được xúc tiến mạnh mẽ. Tháng 11-1978 Đặng Tiểu Bình lúc đó là Phó Thủ tướng lần lượt thăm chính thức Thái Lan, Malaixia và Xingapo; các nước này đặc biệt là Xingapo trở nên sốt sắng mở rộng quan hệ mậu dịch với Trung Quốc; Thủ tướng Lý Quang Diệu không ít lần

thăm Trung Quốc trong thời gian đó. Trung Quốc ủng hộ quan điểm của phần lớn các nước ASEAN về cân bằng thế lực và sự có mặt của tất cả các cường quốc ở Đông Nam Á, về phi hạt nhân hoá và trung lập ở khu vực này<sup>(10)</sup>.

Sự kiện Việt Nam đưa quân vào Campuchia giúp nhân dân nước này lật đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt (tháng 12-1978) và sự ra đời chính thể Cộng hoà Nhân dân Campuchia (tháng 1-1979) không chỉ làm cho hai nhóm nước Đông Nam Á (một bên là 3 nước Đông Dương và bên kia là 5 nước thành viên ASEAN ban đầu) trở nên đối đầu hơn về ý thức hệ, mà còn làm thay đổi cách đánh giá bạn thù trong khu vực. Nếu như trước 1978, phần lớn quan điểm của các nước ASEAN cho rằng, sự tồn tại và lớn mạnh của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa cũng như hoạt động của các phần tử Mao-ít tại Đông Nam Á là "mối đe dọa nguy hiểm nhất đối với hoà bình, an ninh của ASEAN và các nước thành viên", thì sau đó họ đã công khai ủng hộ lập trường của Trung Quốc, chống lại Việt Nam trên hầu hết các phương diện, từ việc tiến hành "ngoại giao tập thể", "ngoại giao con thoi", sử dụng các diễn đàn quốc tế để ngăn cản việc công nhận chính phủ mới tại Phnôm Pênh, đòi Việt Nam đưa quân về nước và ngăn chặn làn sóng di dân ra nước ngoài<sup>(11)</sup>.

Liên quan đến người Hoa, Trung Quốc từ thời gian này công khai từ bỏ sự hậu thuẫn của mình đối với các nhóm phiến quân ở Đông Nam Á, mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng giao lưu văn hoá, khoa học kỹ thuật và đào tạo, trong đó coi đồng bào Hồng Kông- Ma cao, Đài Loan và người Hoa là một trong

những lực lượng quan trọng để thực hiện "Bốn hiện đại hoá" đất nước. Từ thời gian đó người Hoa, Hoa kiều, nhất là tầng lớp giàu có không bị coi là "nền tảng phản động của xã hội" như hồi "Cách mạng văn hóa", mà là bộ phận quan trọng của "mặt trận thống nhất", "cầu nối hữu nghị và hợp tác" giữa Trung Quốc và Đông Nam Á. Để thu hút các nguồn lực từ phía người Hoa, Hoa kiều, Trung Quốc cố gắng tạo thuận lợi về mặt pháp lý cho việc nhập cảnh, chuyển kiều hối và thực hiện các dự án đầu tư. Tuy vậy, Hiến pháp năm 1980 của Trung Quốc cho phép người Hoa được quyền phục hồi quốc tịch Trung Quốc và công nhận sự tồn tại không mang quốc tịch đối với người Hoa ít hay nhiều đã gây nổi khó xử không những đối với chính phủ các nước Đông Nam Á, mà ngay cả bản thân người Hoa, những người qua nhiều thế hệ gắn bó máu thịt với dân cư bản địa.

Cùng với sự tiến triển của bang giao chính trị, quan hệ kinh tế giữa ASEAN và Trung Quốc từ những năm 70 thế kỷ XX cũng được cải thiện. Nếu như trước khi thành lập ASEAN (1967) mới chỉ có 2 nước là Malaixia và Xingapo có quan hệ buôn bán trực tiếp với Trung Quốc thì đến năm 1971 có thêm Philippin, và đến năm 1975 là Thái Lan. Tuy Indônexia mãi tới năm 1985 mới thiết lập quan hệ buôn bán trực tiếp với Trung quốc, nhưng thương mại giữa hai nước vẫn tiến triển thông qua trung gian Hồng Kông. Theo tính toán, từ năm 1970 đến năm 1978 xuất khẩu của Trung Quốc sang các nước ASEAN tăng 4 lần. Tuy vậy, cho đến giữa những năm 80, thương mại của Trung Quốc với ASEAN chưa có

những bước tiến lớn, chỉ chiếm khoảng trên dưới 5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của mình. Từ chỗ chỉ có một vài dự án liên doanh với tư bản nước ngoài với số tiền không đáng kể thì sau 6 năm mở cửa và cải cách thị trường, Trung Quốc vào năm 1984 đã thu hút được 15 tỷ USD đầu tư nước ngoài. Trong số này phần lớn là nguồn vốn của Hồng Kông-Ma Cao, Đài Loan và người Hoa Đông Nam Á<sup>(12)</sup>.

Nói tóm lại, thái độ của các nước ASEAN và Trung Quốc đối với cộng đồng người Hoa Đông Nam Á dưới thời chiến tranh lạnh tuy phản ánh khá rõ nét quyền lợi quốc gia-dân tộc và tính đặc thù của địa-chính trị khu vực, nhưng nhìn chung vẫn còn bị chi phối mạnh bởi ý thức hệ chính trị-tư tưởng. Từ những năm 70 trở đi, do mục tiêu lớn và cấp bách hơn là chống lại ảnh hưởng đang gia tăng của liên minh Xô-Việt, ASEAN đã thoả hiệp, hợp tác với Trung Quốc. Điều này góp phần làm tăng nhanh sự hợp tác ASEAN-Trung Quốc nói chung, cộng đồng người Hoa với Trung Quốc nói riêng. Tuy vậy, tâm lý nghi kị, sợ rằng Trung Quốc có thể sử dụng người Hoa như "đội quân thứ năm" vẫn còn lưu giữ trong ý nghĩ của nhiều chính phủ và dân cư Đông Nam Á dưới thời chiến tranh lạnh.

### 3. Người Hoa trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay.

Như đã đề cập ở trên, tuy bang giao ASEAN-Trung Quốc từ cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX đã chuyển sang giai đoạn hợp tác và đối

thoại, nhưng chưa bình thường hoá hoàn toàn. Hai nước quan trọng hàng đầu của ASEAN là Indônexia (chiếm gần 2/3 dân số ASEAN, và có uy tín chính trị lớn nhất lúc đó) và Xingapo (có nhiều tiền của nhất) chưa thiết lập ngoại giao chính thức với Trung Quốc. Vào ngưỡng cửa của thập niên 90, tình hình quốc tế và khu vực có những thay đổi bước ngoặt (như sự sụp đổ của Liên Xô và hệ thống XHCN ở Đông Âu; Việt Nam rút quân khỏi Campuchia, đổi mới và mở cửa nền kinh tế theo hướng thị trường v.v.) đã thúc đẩy nhanh hơn tiến trình bình thường hoá quan hệ giữa Trung Quốc với các nước còn lại của Đông Nam Á, đặc biệt là với Indônexia, Xingapo và Việt Nam. Bước ngoặt trong quan hệ khu vực là sự kiện các nguyên thủ quốc gia của Trung Quốc, Indônexia, Xingapo và Brunei lần lượt thăm viếng lẫn nhau và thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức vào năm 1990<sup>(13)</sup>. Cũng từ thời điểm này, quan hệ Việt Nam-ASEAN, Việt Nam-Trung Quốc cũng được bình thường hoá nhanh chóng. Trên diễn đàn của ASEAN, các nước thành viên không ngừng nói về tiến bộ và cơ hội tìm kiếm lợi nhuận tại Trung Quốc. Kể từ năm 1994 các cuộc họp bộ trưởng hàng năm của ASEAN đã có sự tham dự của Trung Quốc với tư cách tham vấn. Và đến năm 1996 Trung Quốc trở thành thành viên đối thoại đầy đủ của tổ chức này.

Từ sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á (1997-1998), đặc biệt một vài năm trở lại đây, quan hệ ASEAN-Trung Quốc có những bước phát triển mới, có tác động sâu sắc đến môi trường đầu tư và bang giao quốc tế trong vùng. Trung Quốc thể hiện thái độ thân thiện và

năng động hơn trong hợp tác với ASEAN; ngược lại ASEAN và các nước thành viên ngày càng coi Trung Quốc như một đối tác chủ chốt, đẩy sức cạnh tranh và hấp dẫn nhất ở châu Á. Thể hiện sinh động và gây ấn tượng nhất là ASEAN cùng Trung Quốc ký thoả thuận vào năm 2002 về việc biến hai thực thể này thành Khu vực mậu dịch tự do (CAFTA) vào năm 2010. Những dịch chuyển mang tính đột phá này thúc đẩy nhanh chóng các quan hệ kinh tế, nhất là hợp tác thương mại. Nếu kim ngạch xuất nhập khẩu ASEAN-Trung Quốc năm 1978 mới chỉ đạt con số khiêm tốn là 0,86 tỷ USD thì đến năm 1991 tăng 8,3 tỷ, năm 1996 tăng tới 15,85 tỷ, và tăng vọt lên 54,77 tỷ vào năm 2002. Trong 10 tháng đầu năm 2003 đã đạt tới 62,6 tỷ USD. Bình quân trong khoảng một thập kỷ qua, thương mại hai chiều giữa hai thực thể này tăng 15%/năm. Từ vị trí thứ 6, Trung Quốc trở thành bạn hàng lớn thứ tư của ASEAN, sau Mỹ, Nhật Bản và EU<sup>(14)</sup>.

Trong bối cảnh gia tăng hữu nghị và hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc, người Hoa ở khu vực này hơn lúc nào hết có điều kiện thuận lợi để mở rộng quan hệ kinh tế và văn hoá với cố hương của họ. Cùng với nguồn vốn khá dồi dào, hệ thống kinh doanh mạng độc đáo, lợi thế về ngôn ngữ và văn hoá, người Hoa có thể dễ dàng hơn các nhà kinh doanh nước ngoài khác trong việc tìm kiếm lợi nhuận tại Trung Quốc. Thêm vào đó, chính sách ưu đãi với các nhà đầu tư nước ngoài cũng cuốn hút các doanh nghiệp người Hoa đầu tư vào thị trường này. Ngoài ra, từ thập niên 90 trở đi, chính phủ các nước ASEAN, nhất là

những nước có nhiều tiền và kinh nghiệm thương trường như Xingapo khuyến khích đầu tư hai chiều, không hạn chế các nhà doanh nghiệp nước mình chuyển vốn ra nước ngoài để kinh doanh. Với không khí cởi mở và hợp tác cùng có lợi, tư tưởng bài Hoa hay nghi ngờ lòng trung thành của họ đối với tổ quốc mà họ đang sống trở nên ít đi. Nhiều chính phủ Đông Nam Á kêu gọi dân chúng học tập người Hoa vươn lên làm giàu<sup>(15)</sup>.

Theo đánh giá, trong khoảng nửa đầu thập niên 90 bình quân hàng năm Trung Quốc thu hút được khoảng 20-25 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong số đó có khoảng 65-70% nguồn vốn xuất xứ từ Hồng Kông, Ma Cao và khoảng 7-8% xuất xứ từ Đài Loan. Từ nửa sau những năm 90 đến nay, FDI đổ vào Trung Quốc hàng năm đạt mức kỷ lục với con số khoảng 45 tỷ USD; trong số này tỷ lệ vốn có xuất xứ từ Hồng Kông giảm mạnh, chỉ chiếm khoảng một nửa. Trong khi đó thị phần đầu tư của Đài Loan, các nước ASEAN và các nơi khác (chủ yếu là từ Nhật Bản, Mỹ và EU) tăng lên nhanh. Đối với ASEAN thì vốn FDI của 5 nước thành viên cũ năm 1992 mới chỉ chiếm có 2,4% tổng FDI của Trung Quốc; thế nhưng con số đó đến năm 1994 tăng lên 5%, và đạt tới 9,2% (khoảng 4 tỷ USD) vào năm 1998. Từ sau khủng hoảng tài chính 1997-1998, tỷ lệ đầu tư của ASEAN ở Trung Quốc có giảm đi, nhưng vẫn ở chỉ số cao từ 7-8%. Tính đến năm 2001 tổng số vốn cam kết của ASEAN đầu tư vào Trung Quốc đạt tới con số xấp xỉ 53,5 tỷ USD<sup>(16)</sup>. Khó có thể xác định bao nhiêu trong số này là nguồn vốn xuất xứ từ cộng đồng người

Hoa và Hoa kiều ở Đông Nam Á. Nhưng chắc chắn rằng, hầu hết các nhà đầu tư các nước ASEAN chuyển vốn đến Trung Quốc là những người gốc Hoa. Họ thường hợp tác với các công ty của Hồng Kông trong việc đầu tư vào Trung Quốc<sup>(17)</sup>.

Cũng giống như lĩnh vực đầu tư, Hồng Kông từ trước tới nay vẫn là cửa ngõ thương mại quốc tế chính của Trung Quốc. Hàng năm trong thập niên 90 buôn bán qua hải cảng này chiếm tới 30-35% tổng ngoại thương của Trung Quốc. Trong số này, tỷ lệ xuất khẩu cao hơn nhập khẩu khoảng 30%. Các nhà doanh nghiệp Đài Loan và người Hoa Đông Nam Á đầu tư tại Trung Quốc thường hay sử dụng Hồng Kông để xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài hơn là các nhà đầu tư khác. Ngược lại, các doanh nghiệp của Trung Quốc làm ăn tại Đông Nam Á cũng có xu hướng sử dụng Xingapo như một "thủ đô mới" của người Hoa, Hoa kiều thế giới làm cơ sở chính cho việc mở rộng thương mại của họ ra toàn khu vực<sup>(18)</sup>.

Ngoài việc thúc đẩy và mở rộng quan hệ bạn hàng giữa ASEAN và Trung Quốc, người Hoa Đông Nam Á còn đóng vai trò đáng kể phát triển du lịch, hợp tác văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa hai thực thể này. Với không khí cởi mở, thiện chí và cầu thị từ hai phía, hàng triệu lượt người Hoa hàng năm về thăm cố hương, tìm cơ hội kinh doanh tại Trung Quốc. Ngược lại, hàng vạn người Trung Quốc làm ăn khá giả thực hiện các cuộc du ngoạn, tìm cơ hội đầu tư tại các nước ASEAN. Hàng ngàn công nhân,

sinh viên và chuyên gia của Trung Quốc được gửi sang nhiều nước Đông Nam Á. Ngược lại, có hàng vạn học sinh, sinh viên các nước ASEAN được gửi đến Trung Quốc để học tập v.v. Ngoài ra, hàng năm các tổ chức xã hội và nghiệp đoàn truyền thống của người Hoa Đông Nam Á như Phòng Thương mại, Hội đồng hương, đồng tộc, các câu lạc bộ doanh nghiệp và văn hoá khác nhau thường xuyên tiếp xúc với các hội đoàn tương ứng tại Trung Quốc để mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác<sup>(19)</sup>. Rõ ràng, những giao lưu này đóng góp không nhỏ cho tăng cường quan hệ giữa người Hoa và Trung Quốc nói riêng, Đông Nam Á - Trung Quốc nói chung.

*Nói tóm lại*, người Hoa có một vị trí quan trọng trong bang giao Đông Nam Á - Trung Quốc nói chung, ASEAN - Trung Quốc nói riêng. Dưới thời chiến tranh lạnh, khi quan hệ giữa ASEAN - Trung Quốc bị che phủ bởi sự đối đầu ý thức hệ chính trị tư tưởng và quân sự thì cộng đồng người Hoa Đông Nam Á thường hay bị các bên liên quan sử dụng như một con bài để phục vụ cho chính sách dân tộc hẹp hòi và đấu tranh giai cấp. Cộng đồng người Hoa thời đó thường hay dao động trong việc lựa chọn các xu hướng chính trị và quyền công dân, ít hay nhiều mang tính bảo thủ và khép kín, chưa mạnh dạn tham gia vào quá trình chính trị và bình thường hoá quan hệ ASEAN - Trung Quốc. Tuy vai trò của người Hoa trong việc thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa hai thực thể này được nâng lên ở cuối thời kỳ của chiến tranh lạnh, nhưng kết quả chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của họ.



Cùng với sự gia tăng của toàn cầu hóa, khu vực hoá của thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, việc bình thường hoá hoàn toàn quan hệ ASEAN- Trung Quốc ở thập niên 90 làm cho vị thế của cộng đồng người Hoa tăng lên. Họ trở nên năng động hơn lúc nào hết, tham gia tích cực vào các quá trình phát triển của hai thực thể này. Cùng với người Trung Hoa Hồng Công và Đài Loan, nguồn vốn, kinh nghiệm thương trường, lợi thế ngôn ngữ và văn hoá, người Hoa Đông Nam Á đã và đang đóng vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế và bùng nổ ngoại thương của Trung Quốc. Đồng thời sự mở rộng phạm vi hoạt động của họ cũng góp phần làm tăng sức cạnh tranh và ảnh hưởng kinh tế của khu vực đối với thế giới, thúc đẩy nhanh hơn tiến trình liên kết kinh tế Đông Nam Á và Trung Quốc. Cùng với sự phát triển nhanh và lớn mạnh của Trung Quốc, sự gia tăng hoạt động đối ngoại của cộng đồng người Hoa ít hay nhiều cũng tạo ra những "trăn trở" từ phía chính quyền và dân cư bản địa. Đây là một vấn đề hết sức nhạy cảm và tế nhị, không phải lúc nào các bên liên quan cũng tỉnh táo, nhìn nhận và giải quyết một cách sáng suốt, hợp thời. Nếu như vấn đề không được kiểm soát một cách hợp lý, sẽ có tác động tiêu cực lớn đến quan hệ ASEAN-Trung Quốc nói riêng, ổn định và phát triển của khu vực nói chung.

CHÚ THÍCH:

1. Theo tính toán của nhiều học giả, thì số người Hoa thế giới năm 2002 đạt mức 38,4 triệu người. Những thập niên gần đây tỷ lệ người Hoa châu Á nói chung, Đông Nam Á

nói riêng có xu hướng giảm mạnh, từ 91% năm 1980 xuống 88 % năm 1990 và còn khoảng 80 % vào năm 2000. Tỷ lệ người Hoa cao nhất là ở Xingapo, chiếm 77% (2,2 triệu) tổng số dân cư của nước này; tiếp đến là Malaixia chiếm khoảng 30% (6,5 triệu), Brunei hơn 15% (50 ngàn), Thái Lan khoảng 12% (5 triệu) Indônexia chiếm gần 3% (6,6 triệu), Cămpuchia khoảng 3% (40 vạn), Philippin khoảng 2% (1,6 triệu), Mianma trên 2% (1 triệu), Việt Nam trên 1% (90 vạn). Xem thêm: *Tin tham khảo người Hoa của Ban Dân vận Trung ương*, số 4-2002, tr. 15-20; Lim Chong Yah. *Đông Nam Á- Những chặng đường phía trước*. Hà Nội, NXB Thế giới, 2002. Phụ lục I, tr. 437-457; *The Encyclopedia of the Chinese Overseas* (General Ed. Lynn Pan). Singapore: Chinese Heritage Centre, archipelago Press, 1998, pp. 138-228.

2. Xem: Anthony Reid. *Southeast Asia in the Age of Commerce (1450-1680)*. Australia National University, ASAA Southeast Asian Publication Series, 1988; Purcel V. *The Chinese in Southeast Asia* (2<sup>nd</sup> Edition). Oxford University Press, Kuala-Lumper, 1980.; Trần Khánh: *Tiếp xúc, hội nhập kinh tế Đông Á- Đông Nam Á ven biển trong tiến trình lịch sử / Đông Á - Đông Nam Á: Những vấn đề Lịch sử và Hiện tại*. Hà Nội: Nxb. Thế giới, 2004, tr. 91-100.

3. With Sweat & Abacus - *Economic Roles of Southeast Asian Chinese on the Eve of World War II* (by Fukuda Shozo, Translated by Les Oates, Edited by George Hicks). Singapore, Select Books, 1995. Chapter 4-6; Trần Khánh. *Người Hoa trong xã hội Việt Nam (thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn)*. Hà Nội, Nxb KHXH, 2002, Chương 6-7;

4. Ví dụ như tập đoàn kinh tế Salim Group của Lâm Thiện Lương (Liem Sioe Liong) ở Indônexia đầu những năm 90 của

thế kỷ XX đã có số tài sản ít nhất là 3 tỷ USD, với hơn 400 công ty lớn nhỏ hoạt động trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, và số lao động làm thuê khoảng 135 ngàn người. Năm 1993 tập đoàn này có doanh thu bán ra xấp xỉ 9 tỷ USD, chiếm khoảng 5% GDP của Indônexia. Có khoảng 35% thu nhập của tập đoàn là từ kinh doanh ở nước ngoài. Ở Thái Lan, tập đoàn ngân hàng-tài chính dòng họ Trần do Chin Sophonpanich đứng đầu, đến đầu những năm 90 có tới 200 công ty trực thuộc với giá trị tài sản lên tới 7 tỷ USD. Trung tâm sức mạnh của dòng họ này là Ngân hàng Băng Cốc (ngân hàng lớn nhất Đông Nam Á). Đến năm 1993 ngân hàng có tới 500 chi nhánh hoạt động trong và ngoài nước với số nhân viên là 24 ngàn và thị trường cổ phiếu gần 5 tỷ USD. Xem thêm: Overseas Chinese Business Networks in asia. Australia: Department of Foreign affairs and Trade, East Asia Analytical Unit, 1995, pp. 163, 320-323.

5. Xem: Yuan-li Wu, Chun-his Wu. Economic Development in Southeast Asia-The Chinese Dimension. Stanford University: Hoover Institution Press, 1980. Part 1-2, pp. 3-143.; Tran Khanh. The Ethnic Chinese and Economic Development in Vietnam. Singapore: ISEAS, 1993, Part 2, pp. 29-76.; Chương III, tr. 157-287.

6. Trước đây cũng như ngày nay người Hoa sử dụng các tổ chức xã hội và nghiệp đoàn truyền thống như Hội đồng hương (Bang), Hội đồng tộc (dòng Họ), Hội kín, Hội doanh nghiệp (như Phòng thương mại) không chỉ để bảo tồn phong tục, tập quán và lối sống tinh thần của nền văn hoá Trung Hoa ở hải ngoại mà còn là công cụ điều hoà các quan hệ xã hội, cầu nối các mối quan hệ kinh tế giữa cộng đồng người Hoa với các đối tác bạn hàng trong khu vực, trước hết giữa họ với nhau, với Đài Loan, Hồng Kông và Trung Hoa lục địa.

7. Xem: Ethic Chienese as Southeast asians (edited by Leo Suryadinata). Singapore: ISEAS, 1997, pp.7-9.; Trần Khánh. *Vai trò người Hoa trong nền kinh tế các nước Đông Nam Á*. Viện Đông Nam Á, Nxb Đà Nẵng, 1992, tr.158-178.

8. Xem thêm: Wang Gungwu. China and Chinese Overseas. Singapore: Singapore Times Academic Press, 1991; Các nhóm người Hoa ở Đông Nam Á (tiếng Nga). Matxcova, Nauka, 1986, tr.240-248.

9. Xem thêm: Maletin H.P. ASEAN: Ba thập niên (1967-1997)- Ba chính sách. Matxcova, MGIMO, 1997, tr. 6-9. (tiếng Nga); *Chính sách đối ngoại và nền ngoại giao các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương* (Học viện Ngoại giao-Bộ Ngoại giao Liên bang Nga biên soạn). Matxcova, Sách Khoa học, 1998, tr.169-170. (tiếng Nga); Liên kết ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hoá (Trần Khánh chủ biên). Hà Nội, KHXH, 2002, tr.14-18, 35-37.

10. Xem: Carlyle A. Thayer. ASEAN and Indochinese: The Dialogue/ ASEAN into the 1990s (edited by Alison Broinowski). New York: St, Martin's Press, 1990, pp. 138-145.; Khaw Guat Hoon. The Evolution of ASEAN-1967-1975 / The ASEAN Reader. Singapore: ASEAS, 1992, pp. 38-42.; Maletin H.P. ASEAN: Ba thập niên chính sách đối ngoại (1967-1997). Matxcova, MGIMO, 1999, tr. 135-145 (tiếng Nga);

11. Các nước ASEAN lúc đó cho rằng, việc xây dựng cơ sở quân sự của Liên Xô tại vịnh Cam Ranh là "mối đe dọa lâu dài đối với an ninh Châu Á - Thái Bình Dương"; đồng thời "việc hình thành liên minh Liên Xô-3 nước Đông Dương không những làm tăng sự đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ, mà còn làm công khai hoá sự cạnh tranh giữa hai cường quốc cộng sản Liên Xô và Trung Quốc.

12. Maletin H.P. ASEAN: Ba thập niên chính sách đối ngoại (1967-1997). Sách đã dẫn, tr. 138 và 144; Các nhóm người Hoa ở Đông Nam Á. Sách đã dẫn, tr.257.

13. Sau chuyến viếng thăm của Lý Bằng, ngày 8-8-1990 Indônexia và Trung Quốc chính thức phục hồi quan hệ ngoại giao bị ngắt quãng 23 năm (từ 1967). Đáp lại vào tháng 11 năm đó, Tổng thống Xuhácto lần đầu tiên thăm chính thức Bắc Kinh, đánh dấu bước ngoặt quan hệ ngoại giao ASEAN-Trung Quốc. Sau sự kiện này quan hệ của Xingapo và Brunei với Trung Quốc cũng được bình thường hoá.

14. Xem: Jiirgen Haacke. Seeking influence: China's Diplomacy Toward ASEAN after the asian Crisis// asian Perspective (Special issue on China-ASEAN Relation). Vol. 26, No. 4, pp.13-45.; Thitapha Wattanapruttipaisan. ASEAN-China Free Trade area: Advantages, Challenges and Implication for the Newer ASEAN member Countries// ASEAN Economic Bulletin, Vol. 20, No.1, tháng 4-2003, pp. 32-34.; Trần Khánh. Sự tiến triển trong quan hệ ASEAN-Trung Quốc// Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 2 (65), 2004, tr. 32.

15. Xem: Leo Suryadinata. China's Economic Modernizatio and the Ethnic Chinese in ASEAN: A Preliminây Study/ Southeast asian Chinese and China: The politico-Economic Dimension (Edited by Leo Suryadinata). Singapore: Times Academic Press, 1995, pp. 139-215; Ethnic Chinese as Southeast asians, sdd, tr. 15-19.

16. Xem: Liên kết ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hoá, sdd, tr. 99; Overseas Chiese Business Networks in asia, sdd, tr. 194; The Encyclopedia of the Chinese Overseas, Sdd, phần IV, tr.110-112; Tài liệu tham khảo đặc biệt, TTXVN, ngày 14 tháng 4-2002, tr. 2-3; Tài liệu tham khảo, TTXVN, số 9-2003, tr. 41.

17. Sở dĩ có tình trạng này, trước hết là người Hoa muốn khai thác tối đa mỗi quan hệ bạn hàng truyền thống sẵn có của họ để khắc phục những khó khăn ban đầu do thiếu thông tin và thiếu đồng bộ của hệ thống pháp lý kinh doanh tại Trung Quốc, mặt khác là để vượt qua những trở ngại do chính sách hạn chế tiếp xúc với Trung Quốc mà nhiều nước ASEAN hay áp dụng trước những năm 90, đồng thời tránh sự chỉ trích từ phía chính quyền và dân cư bản địa một số nước Đông Nam Á về "sự chảy máu vốn" của mình. Xem thêm: Overseas Chiese Business Networks in asia, sdd, chương 9-11, tr. 176-243; Ethnic Chinese as Southeast asians, Sdd, chương 2-3, tr.33- 114; Overseas Chiese Business Networks in asia, sdd, phần IV, tr.105-113.

18. Trước khi trở về Trung Quốc (1997) Hồng Kông từng được coi là "Thủ đô của người Hoa, Hoa kiều thế giới. Thế nhưng địa vị này chuyển sang đảo quốc Xingapo. Xem thêm: Yuan-li Wu, Chun-his Wu. Economic Development in Southeast asia- The Chinese Dimension, sdd, tr. 101-104; Overseas Chiese Business Networks in asia, sdd, 205-206; pp. 3-143; The Encyclopedia of the Chinese Overseas, Sdd, 105-110; Trần Khánh: *Vị thế của Xingapo trong hợp tác nội bộ ASEAN*// Nghiên cứu Đông Nam Á. Số 4-2003, tr. 27-38.

19. "Đại hội Hoa thương thế giới" (The World chinese entrepreneus Convention) lần đầu tiên được tổ chức tại Xingapo năm 1991. Từ đó cứ hai năm, Đại hội diễn ra một lần với sự tham dự của hàng nghìn các nhà doanh nghiệp và quan chức giàu có người Hoa đến từ hàng chục nước trên thế giới. Đại hội Hoa thương lần thứ 6 được tiến hành tại Trung Quốc vào năm 2001. Đây là một trong những hình thức tăng cường hợp tác, tập hợp lực lượng giữa người Hoa với nhau nhằm thích ứng với sự gia tăng của toàn cầu hoá và khu vực hoá.